

Số: **416** /QĐ-UBND

Thành phố Cao Bằng, ngày **25** tháng **02** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông (bà) Đinh Ngọc Quang – La Thị Cây để thực hiện dự án: Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt dự án: Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ hồ sơ, phương án và dự toán bồi thường kèm theo Công văn số 04/TCT-QĐMB ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tổ công tác Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố Cao Bằng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Cao Bằng tại Tờ trình số 96 /TTr-TNMT ngày 21 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng:

- Diện tích đất thu hồi: 294,6 m².

- Số hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi: 01 hộ gia đình ông (bà) Đinh Ngọc Quang – La Thị Cây, địa chỉ thường trú tại tổ dân phố 20, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Kinh phí bồi thường: 103.404.600 đồng (*bằng chữ: Một trăm linh ba triệu bốn trăm linh bốn nghìn sáu trăm đồng*).

2. Phương án chi tiết bồi thường (*Có phương án và dự toán chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường Sông Hiến có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Chủ đầu tư, giao Quyết định này đến các hộ gia đình, cá nhân; Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản ghi nhận sự việc có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường và tổ dân phố và tổ chức niêm yết công khai Quyết định này theo quy định.

2. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng thành phố Cao Bằng;

Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Sông Hiến và hộ gia đình ông (bà) Đinh Ngọc Quang – La Thị Cây chịu trách nhiệm thi hành quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (để thực hiện);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ phường Sông Hiến;
- Bí thư Chi bộ, Tổ trưởng, Trưởng Ban công tác Mặt trận tổ dân phố 20 phường Sông Hiến;
- Thành viên HĐ BT HT TĐC dự án;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Trung tâm PTQĐ & GPMB (15b);
- Lưu: VT, TNMT (Tr).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Châu

PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ GPMB DỰ ÁN KHAI THÁC LỘ THIÊN MỎ SẮT NÀ RỪA, THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG
 (Kèm theo Quyết định số: **416** /QĐ-UBND ngày **25** tháng **02** năm 2025 của UBND thành phố Cao Bằng)

1. Tổng diện tích đất thu hồi: 294,6 m²
2. Tổng số hộ gia đình có đất bị thu hồi và bồi thường tài sản: 01 hộ
3. Phương án bố trí tái định cư:
Số hộ gia đình, cá nhân được bố trí tái định cư: 0 hộ
4. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 103.404.600 đồng

STT	Họ và tên Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Thành tiền		Tổng giá trị BT, HT	Bồi thường bằng đất có mục đích khác với loại đất	Tái định cư
			Bồi thường (đ)	Hỗ trợ (đ)			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Hộ: Đinh Ngọc Quang - La Thị Cây. Địa chỉ: Tổ 20, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng 0365386961	294,6	29.165.400	74.239.200	103.404.600	0	0
	TỔNG CỘNG	294,6	29.165.400,0	74.239.200,0	103.404.600		-

Hộ: Đinh Ngọc Quang - La Thị Cây. Địa chỉ: Tổ 20, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng 0365386961
(Kèm theo Quyết định số: 416 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025 của UBND thành phố Cao Bằng)

[illegible]

STT	Họ và tên/ loại tài sản khác	Số tờ bản đồ	Số thửa đất	Đơn vị tính	Khối lượng		Đơn giá	Giá đất cụ thể (Quyết định số 393/QĐ- UBND ngày 25/3/2024)	Hệ số		Thành tiền		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường bằng đất có mục đích khác với loại đất thu hồi (lô)	Tái định cư (lô)
					Diện tích đất bồi thường	Loại TS khác và cây cối hoa màu			Hệ số hỗ trợ chuyển đổi nghề/Hỗ trợ khác	Tăng giảm	Bồi thường	Hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
C	TÁI ĐỊNH CƯ														
	Gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, không bị phá dỡ nhà, di chuyển chỗ ở. không đủ điều kiện giao đất ở theo khoản 2, Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024														
	TỔNG CỘNG				294,6						29.165.400	74.239.200	103.404.600		